

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- ĐẮC LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- ĐẮC LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Lê

2/Ông Nguyễn Xuân Nghi

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắc Lắc.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Võ Thúy M, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn P, xã P, tỉnh Đắc Lắc; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Anh T, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn L, xã P, tỉnh Đắc Lắc; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thúy M trình bày: Vào năm 2019, chị M và anh Bùi Anh T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắc Lắc), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong công việc làm ăn nên từ đó cho đến nay vợ chồng không còn sống chung, không liên lạc qua lại với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Võ Anh M1, sinh ngày 29/01/2021, hiện nay đang ở với chị M. Ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H (là mẹ đẻ anh Bùi Anh T) trình bày có nội dung: Anh T và chị M là vợ chồng, cách đây 2-3 năm, anh T đi làm ăn xa ở S, việc chị M làm đơn ly hôn thì anh T biết, nhưng vì làm ăn nên không về Tòa giải quyết được, anh T có gọi điện nói với bà H là đồng ý ly hôn.

Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk tiến hành triệu tập hợp lệ anh T, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thúy M và anh Bùi Anh T tự nguyện tìm hiểu kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Tòa án nhân dân nhân dân Khu vực 13 - Đắk Lắk, nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng anh T không đến Tòa để thể hiện thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Võ Thúy M và anh Bùi Anh T có một con chung Bùi Võ Anh M1, sinh ngày 29/01/2021. Ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu M1 còn nhỏ, đang ở với chị M, do đó để đảm bảo sự phát triển tâm lý ổn định và như lâu nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn, giao cháu M1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Võ Thúy M yêu cầu anh Bùi Võ Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Võ Anh M1 mỗi tháng 1.500.000đ, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 10/2025. Xét thấy, anh T có khả năng lao động và có thu nhập, chị M yêu cầu mức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Võ Thúy M không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thúy M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST, anh Bùi Anh T phải chịu 300.000đ án phí DSST (*Phần cấp dưỡng nuôi con*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Võ Thúy M được ly hôn với anh Bùi Anh T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Võ Anh M1, sinh ngày 29/01/2021 cho chị Võ Thúy M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Võ Anh M1 mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị Võ Thúy M, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Võ Thúy M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Được khấu trừ số tiền chị M đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006729 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Bùi Anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm (*Phần cấp dưỡng nuôi con*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Phú Hòa 2;
(Số 154/2019 ngày 23/12/2019)
- Lưu hồ sơ. **Lê Thị Thúy Sơn**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**